

Số: 198/TB-MNFV

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 12 năm 2025

V/v: Thông báo thay đổi thông tin trên hồ  
sơ tự công bố Sản Phẩm và Nhãn hàng  
hoá

**Kính gửi: Sở Y tế Thái Nguyên**

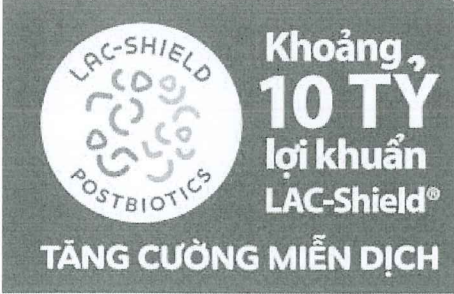


Chúng tôi, CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM (“MNFV”), xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sự hỗ trợ, tạo điều kiện của Quý Cơ quan với MNFV trong suốt thời gian vừa qua.

MNFV đã thực hiện Tự công bố sản phẩm đối với các hàng hoá sau:

STT	Tên sản phẩm	Số Tự công bố	Ngày ban hành
1	Sữa chua không béo ít đường Morinaga	08/MORINAGA/2024	25/03/2024
2	Sữa chua không béo ít đường Nha đam Morinaga	09/MORINAGA/2024	25/03/2024
3	Sữa chua không béo ít đường vị Đào Morinaga	30/MORINAGA/2024	14/10/2024

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, MNFV xin thông báo tới Quý cơ quan về việc thay đổi một số nội dung thông tin và thiết kế, cách trình bày thông tin trên nhãn hàng hoá và **không làm thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo của Sản Phẩm**, cụ thể như sau:

Thông tin trước khi thay đổi	Thông tin sau khi thay đổi
<b>CHỨA KHOẢNG 10 TỶ LỢI KHUẨN LAC-Shield® GIÚP TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH</b>	<b>CHỨA KHOẢNG 10 TỶ LAC-Shield® POSTBIOTICS GIÚP TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH</b>
<b>Lợi khuẩn LAC-Shield® tăng cường miễn dịch.</b>	<b>LAC-Shield® Postbiotics Tăng cường miễn dịch</b>
	Xoá hình ảnh này

Thông tin trước khi thay đổi	Thông tin sau khi thay đổi
	 
<p>Giá trị dinh dưỡng của Calci và Natri được biểu thị bằng số thập phân, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.</p>	<p>Giá trị dinh dưỡng của các chỉ tiêu Calci và Natri được biểu thị bằng số nguyên.</p>

Nội dung chi tiết theo nhãn hàng hoá tương ứng với từng sản phẩm được đính kèm theo Thông Báo này.

MNFV cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung của Thông Báo và đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật Việt Nam.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA  
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
KOHARA SHUNSUKE**





Nhãn hàng hoá của Sản phẩm "Sữa chua không béo ít đường Morinaga"  
 (Đính kèm Thông báo số 198/TB-MNFV ký ngày 17/12/2025)

MARKETING	R&D	L&C
<p><i>Thayhan</i> Trần Thị Trang</p>	<p><i>Đỗ Văn Thi</i></p>	<p>16/12/2025 <i>Le Thi Mai Loan</i></p>

Nhãn hàng hoá của Sản phẩm "Sữa chua không béo ít đường Morinaga"  
(Đính kèm Thông báo số 198/TB-MNFV ký ngày 17/12/2025)

MARKETING	R&D	L&C
Thay Phan Trần Thị Trang	Đỗ Văn Thi	16/12/2025 Lê Thị Mai Lâm



**400g (4 hộp x 100g)**  
KHỐI LƯỢNG TÍNH (NET WEIGHT):

**GIÚP TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH**  
CHỮA KHỎANG 10 TỶ LAC-SHIELD™ POSTBIOTICS

**GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH TRONG 100g**

Năng lượng/ Energy	55,0 kcal
Chất đạm/ Protein	4,2 g
Carbohydrat / Carbohydrate	9,2 g
Bướm tăng sợi/ Total sugars	8,2 g
Chất xơ hòa tan/ Soluble fiber	0,7 g
Canxi/ Calcium	137 mg
Natri/ Sodium	40 mg

**THÀNH PHẦN:** Sữa (94,3%) (nước, bột sữa, bột whey), đường kính (4,0%), chất xơ hòa tan (inulin), gelatin thực phẩm, chất ổn định (1422, 471), chất bảo quản (202), chất tạo ngọt tổng hợp (955), heat-killed Lactococcus paracasei MCC1849 (LAC-Shield™), men Streptococcus thermophilus và Lactobacillus bulgaricus.  
(LAC-Shield™ là nhãn hiệu của Morinaga Milk Industry Co., Ltd.)  
Sản phẩm có chứa sữa.

**INGREDIENTS:** Milk (94.3%) (water, milk powder, whey powder), sugar (4.0%), soluble fiber (inulin), food-grade gelatin, stabilizers (1422, 471), preservative (202), artificial sweetener (955), heat-killed Lactococcus paracasei MCC1849 (LAC-Shield™), Streptococcus thermophilus and Lactobacillus bulgaricus cultures.  
(LAC-Shield™ is a trademark of Morinaga Milk Industry Co., Ltd.)  
The product contains milk.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**  
Công ty TNHH Morinaga Milk Industry Co., Ltd.  
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Việt Yên, Phường Trưng Thành, Thị trấn Việt Yên, Việt Nam.  
Website: www.morinaga-vn.com.vn  
Hotline: 1800-886-602  
SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

8 936009 1793372

trong mỗi hộp 100g

**SỮA CHUA KHÔNG BÉO**

Chất béo 0

ít đường

**TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH**

Với Khoảng **10 TỶ** LAC-Shield™ POSTBIOTICS

ヨーグルト

**SỮA CHUA KHÔNG BÉO**

ít đường

Chất béo 0

Chi 55,0 kcal

Protein 4,2 g

THỰC PHẨM BỔ SUNG

\*\* DƯA TRÊN NGHIÊN CỨU LÂM SANG TẠI NHẬT BẢN

**SỮA CHUA KHÔNG BÉO**

ít đường

Chất béo 0

Thực phẩm bổ sung/Supplemented Food

**Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g**

Nutritional information per 100 g

Năng lượng/ Energy	55,0	kcal
Chất đạm/ Protein	4,2	g
Carbohydrat / Carbohydrate	9,2	g
Đường tổng số/ Total sugars	8,2	g
Chất xơ hoà tan/ Soluble fiber	0,7	g
Calci/ Calcium	137	mg
Natri/ Sodium	40	mg

**THÀNH PHẦN:** Sữa (94,3%) (nước, bột sữa, bột whey), đường kính (4,0%), chất xơ hoà tan (inulin), gelatin thực phẩm, chất ổn định (1422, 471), chất bảo quản (202), chất tạo ngọt tổng hợp (955), heat-killed *Lactocaseibacillus paracasei* MCC1849 (LAC-Shield®), men *Streptococcus thermophilus* và *Lactobacillus bulgaricus*.

(LAC-Shield® là nhãn hiệu của Morinaga Milk Industry Co., Ltd.)

Sản phẩm có chứa sữa.



CHỨA KHOẢNG 10 TỶ LAC-Shield® POSTBIOTICS  
GIÚP TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:** Ăn trực tiếp, sử dụng ngay sau khi mở hộp.

**HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:** Bảo quản lạnh ở nhiệt độ 4°C - 8°C.

**NHU CẦU KHUYẾN NGHỊ:** Nên dùng 2 - 3 hộp mỗi ngày. Không sử dụng cho trẻ em dưới 1 tuổi.

**NSX VÀ HSD:** Xem trên bao bì sản phẩm.

**USAGE:** Consume directly, use immediately after opening the cup.

**STORAGE:** Keep refrigerated at 4°C - 8°C.

**RECOMMENDATION:** Use 2 - 3 cups per day. Do not use for children under 1 year old.

**MANUFACTURING AND EXPIRATION DATE:** Refer to product packaging.

**INGREDIENTS:** Milk (94.3%) (water, milk powder, whey powder), sugar (4.0%), soluble fiber (inulin), food-grade gelatin, stabilizers (1422, 471), preservative (202), artificial sweetener (955), heat-killed *Lactocaseibacillus paracasei* MCC1849 (LAC-Shield®), *Streptococcus thermophilus* and *Lactobacillus bulgaricus* cultures.

(LAC-Shield® is a trademark of Morinaga Milk Industry Co., Ltd.)

The product contains milk.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**

Công ty thuộc Tập đoàn Morinaga Milk

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phú Yên, phường Trung Thành,

tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Website: www.morinaga-nf.com.vn

Hotline: 1800-888-602

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

**KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT):**  
**400 g (4 hộp x 100 g)**



\* Giá trị dinh dưỡng  
trong mỗi hộp 100 g

(Chi tiết đính kèm)

**MORINAGA**

ヨーグルト

Chất béo

**SỮA CHUA KHÔNG BÉO ÍT ĐƯỜNG**

**TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH**

LAC-SHIELD POSTBIOTICS

Với Khoảng **10 TỶ** LAC-Shield® POSTBIOTICS

Chi **55,0 kcal** Protein **4,2 g**

THỰC PHẨM BỔ SUNG

\*\* DỰA TRÊN NGHIÊN CỨU LÂM SÀNG TAI NHẬT BẢN

(Chi tiết đính kèm)

Số: 128/TB-MNFV

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 08 năm 2025

V/v: Thông báo thay đổi thông tin trên hồ  
sơ tự công bố Sản Phẩm và Nhãn hàng  
hoá

**Kính gửi: Sở Y tế Thái Nguyên**

Chúng tôi, CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM (“MNFV”), xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sự hỗ trợ, tạo điều kiện của Quý Cơ quan với MNFV trong suốt thời gian vừa qua.

MNFV đã thực hiện Tự công bố sản phẩm đối với các hàng hoá sau:

STT	Tên sản phẩm	Số Tự công bố	Ngày ban hành
1	Sữa chua không béo ít đường Morinaga	08/MORINAGA/2024	25/03/2024
2	Sữa chua không béo ít đường Nha đam Morinaga	09/MORINAGA/2024	25/03/2024

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm và Nghị quyết số 76/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025, MNFV xin thông báo tới Quý cơ quan về việc cập nhật địa chỉ Công ty trên Bản tự Công bố Sản phẩm, Nhãn hàng hoá và hiệu chính một số thông tin trên nhãn hàng hoá mà **không làm thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo của Sản Phẩm**, cụ thể như sau:

**1. Cập nhật thông tin địa chỉ của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam tại Mục I và Mục II.5 của Bản tự Công bố Sản phẩm và nhãn hàng hoá**

Thông tin trước khi cập nhật	Thông tin sau khi cập nhật
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.	Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

**2. Hiệu chỉnh thông tin trên nhãn hàng hoá**

Do sơ suất lỗi kỹ thuật trong quá trình trình bày, MNFV xin hiệu chỉnh một số thông tin trên nhãn hàng hoá của Sản Phẩm như sau:



Thông tin trước khi hiệu chính	Thông tin sau khi hiệu chính
CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM <i>Công ty thuộc tập đoàn Morinaga Milk Industry Group</i>	CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM <i>Công ty thuộc Tập đoàn Morinaga Milk</i>
(LAC-Shield® là nhãn hiệu của Morinaga Milk Industry) (LAC-Shield® is a trademark of Morinaga Milk Industry)	(LAC-Shield® là nhãn hiệu của Morinaga Milk Industry Co., Ltd.) (LAC-Shield® is a trademark of Morinaga Milk Industry Co., Ltd.)
Được tập đoàn Morinaga Milk Industry tiên phong nghiên cứu và chọn lọc từ hàng nghìn chủng vi khuẩn Axit Lactic.	Được Morinaga Milk Industry Co., Ltd. tiên phong nghiên cứu và chọn lọc từ hàng nghìn chủng vi khuẩn Axit Lactic.

MNFV cam kết việc hiệu chính trên chỉ nhằm mục đích thống nhất cách thể hiện tên gọi của tổ chức nước ngoài, không làm thay đổi bản chất thông tin và không ảnh hưởng đến chất lượng của Sản Phẩm.

*Nội dung chi tiết theo nhãn hàng hoá đính kèm Thông Báo này.*

MNFV cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung của Thông Báo và đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật Việt Nam.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA  
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
KOHARA SHUNSUKE**

125mm

90mm

7mm

34mm

144mm

41mm

40mm

17.5mm



khuôn bế

Ngày làm File	Đơn hàng	Tên sản phẩm	Kích thước sản phẩm	Số màu In	Gia công	Khách hàng chú ý	Đơn vị thực hiện	Xác nhận của Khách hàng
18/07/25		Vỏ Morinaga ít đường	KT phủ bì: 144x144x41 (mm)	01 pha 04 - CMYK		Khách hàng chú ý kiểm tra lại thông tin kích thước sản phẩm, Nội dung Bao bì hộp. Nhân mac trước khi xác nhận. Thiết kế In Tuấn Bằng sẽ không có trách nhiệm khi khách hàng ký duyệt sản phẩm.		NET: R&D: QC:

LEGAL CHECKED

M.S.D.N.4600  
CÔN  
CÔ  
MORINAGA  
NUTRITIONAL FOODS  
VIỆT NAM  
TP. PHỐ YÊN

M.S.D.N.4600285900-C.T.C.P  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
MORINAGA  
NUTRITIONAL FOODS  
VIỆT NAM  
TP. PHỐ YÊN - T. THÁI NGUYÊN



# SỮA CHUA KHÔNG BÉO



## ÍT ĐƯỜNG



Thực phẩm bổ sung/Supplemented Food

### Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g Nutritional information per 100 g

Năng lượng/ Energy	55,0	kcal
Chất đạm/ Protein	4,2	g
Carbohydrat / Carbohydrate	9,2	g
Đường tổng số/ Total sugars	8,2	g
Chất xơ hoà tan/ Soluble fiber	0,7	g
Calci/ Calcium	137,0	mg
Natri/ Sodium	40,0	mg

**THÀNH PHẦN:** Sữa (94,3%) (nước, bột sữa, bột whey), đường kính (4,0%), chất xơ hoà tan (inulin), gelatin thực phẩm, chất ổn định (1422, 471), chất bảo quản (202), chất tạo ngọt tổng hợp (955), heat-killed *Lactocaseibacillus paracasei* MCC1849 (**LAC-Shield**<sup>®</sup>), men *Streptococcus thermophilus* và *Lactobacillus bulgaricus*.

(**LAC-Shield**<sup>®</sup>) là nhãn hiệu của Morinaga Milk Industry Co., Ltd.)

Sản phẩm có chứa sữa.



CHỨA KHOẢNG 10 TỶ LỢI KHUẨN LAC-Shield<sup>®</sup>  
GIÚP TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

**KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT):  
400 g (4 hộp x 100 g)**



**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:** Ăn trực tiếp, sử dụng ngay sau khi mở hộp.

**HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:** Bảo quản lạnh ở nhiệt độ 4°C - 8°C.

**NHU CẦU KHUYẾN NGHỊ:** Nên dùng 2 - 3 hộp mỗi ngày. Không sử dụng cho trẻ em dưới 1 tuổi.

**NSX VÀ HSD:** Xem trên bao bì sản phẩm.

**USAGE:** Consume directly, use immediately after opening the cup.

**STORAGE:** Keep refrigerated at 4°C - 8°C.

**RECOMMENDATION:** Use 2 - 3 cups per day. Do not use for children under 1 year old.

**MANUFACTURING AND EXPIRATION DATE:** Refer to product packaging.

**INGREDIENTS:** Milk (94.3%) (water, milk powder, whey powder), sugar (4.0%), soluble fiber (inulin), food-grade gelatin, stabilizers (1422, 471), preservative (202), artificial sweetener (955), heat-killed *Lactocaseibacillus paracasei* MCC1849 (**LAC-Shield**<sup>®</sup>), *Streptococcus thermophilus* and *Lactobacillus bulgaricus* cultures.

(**LAC-Shield**<sup>®</sup>) is a trademark of Morinaga Milk Industry Co., Ltd.)

The product contains milk.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**

Công ty thuộc Tập đoàn Morinaga Milk

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phố Yên, phường Trung Thành,

tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Website: [www.morinaga-nf.com.vn](http://www.morinaga-nf.com.vn)

Hotline: 1800-888-602

**SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM**



(\*) Giá trị dinh dưỡng  
trong mỗi hộp 100 g





ヨーグルト



SỮA CHUA KHÔNG BÉO

ÍT ĐƯỜNG



TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM  
Công ty thuộc Tập đoàn Morinaga Milk  
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Trưng Thành, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.



ヨーグルト



SỮA CHUA KHÔNG BÉO

ÍT ĐƯỜNG



TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM  
Công ty thuộc Tập đoàn Morinaga Milk  
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Trưng Thành, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.



ヨーグルト



SỮA CHUA KHÔNG BÉO

ÍT ĐƯỜNG



TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM  
Công ty thuộc Tập đoàn Morinaga Milk  
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Trưng Thành, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.



ヨーグルト



SỮA CHUA KHÔNG BÉO

ÍT ĐƯỜNG



TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM  
Công ty thuộc Tập đoàn Morinaga Milk  
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Trưng Thành, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.



Marketing  
Chayfran

Trần Thị Trang  
28/07/2025



30.07.2025

L. T. M. Lai

R&D xác nhận

5/8/25  
Hồ Văn Thi



CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA  
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

----- 03 00 80 -----

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 08/MORINAGA/2024**

**SỮA CHUA KHÔNG BÉO ÍT ĐƯỜNG MORINAGA**

**THÁI NGUYÊN, 2024**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/MORINAGA/2024

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02083 666 669

Fax: 02083 866 474

Mã số doanh nghiệp: 4600285900

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sữa chua không béo ít đường Morinaga

*Phân nhóm sản phẩm: Thực phẩm bổ sung*

2. Thành phần:

Sữa (94,3%) (nước, bột sữa, bột whey), đường kính (4,0%), chất xơ hoà tan (inulin), gelatin thực phẩm, chất ổn định (1422, 471), chất bảo quản (202), chất tạo ngọt tổng hợp (955), heat-killed *Lactobacillus paracasei* MCC1849 (LAC-Shield®), men *Streptococcus thermophilus* và *Lactobacillus bulgaricus*.

(LAC-Shield® là nhãn hiệu của Morinaga Milk Industry.)

*Sản phẩm có chứa sữa.*

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 50 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Đóng gói một hộp với khối lượng tịnh 100 g. Đóng gói một vỉ 400 g (4 hộp x 100 g).

*(Sai số định lượng phù hợp với Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).*

4.2. Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được chứa trong bao bì hộp nhựa HIPS chuyên dùng cho thực phẩm, đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT của Bộ Y tế.



**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

**Tên cơ sở:** Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam.

**Địa chỉ:** Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)**

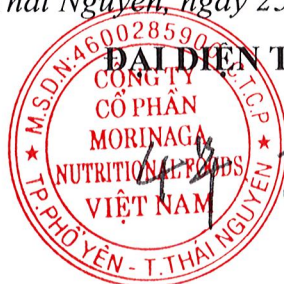
**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

QCVN 5-5: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 3 năm 2024



**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
CHIHAYA TAKASHI**





**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**



Xác nhận Legal

*Le Thi Mau Lan*  
 Lê Thị Mau Lan

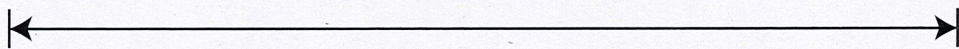
Xác nhận Marketing

*Đặng Quỳnh Nga*  
 Đặng Quỳnh Nga

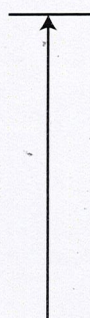
Xác nhận R&D

*[Signature]*

125mm



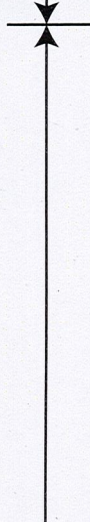
86mm



9mm



144mm



41mm



40mm



18mm



**THỰC PHẨM BỔ SUNG/Supplemented Food**

**Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g**

Năng lượng/Energy	59,8 kcal
Chất đạm/Protein	4,2 g
Hydrat cacbon/Carbohydrate	10,4 g
Chất xơ hòa tan/Soluble fiber	0,7 g

**THÀNH PHẦN:** Sữa (94,3%) (nước, bột sữa, bột whey), đường kính (4,0%), chất xơ hòa tan (inulin), gelatin thực phẩm, chất ổn định (1,422, 471), chất bảo quản (202), chất tạo ngọt tổng hợp (955), heat-killed Lactobacillus paracasei MCC1849 (LAC-Shield®), men Streptococcus thermophilus và Lactobacillus bulgaricus.

**(LAC-Shield®** là nhãn hiệu của Morinaga Milk Industry.)

Sản phẩm có chứa sữa.

**GIÚP TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH**

**CHỨA KHOẢNG 10 TỶ LỢI KHUẨN LAC-SHIELD®**

giúp cải thiện hệ miễn dịch, tăng cường sức khỏe đường ruột, hỗ trợ tiêu hóa, giảm nguy cơ mắc bệnh đường ruột.

**400 g (4 hộp x 100 g)**  
**KHỐI LƯỢNG TÍNH (NET WEIGHT):**

8 936009 793167 (\*) Trong mỗi hộp 100 g

**SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM**

Hotline: 1800-888-602  
Website: www.morinaga-vn.com.vn  
Thành phố Phú Yên, tỉnh Thái Nguyên.  
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phú Yên, phường Thuận Thành,  
Công ty thuộc đơn vị Morinaga Milk Industry Group  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**

Product contains milk.  
(LAC-Shield® is a trademark of Morinaga Milk Industry.)  
Lactobacillus bulgaricus  
paracasei MCC1849 (LAC-Shield®), Streptococcus thermophilus and preservative (202), artificial sweetener (955), heat-killed Lactobacillus (4,0%), soluble fiber (inulin), food-grade gelatin, stabilizers (1,422, 471), sugar

**INGREDIENTS:** Milk (94.3%) (water, milk powder, whey powder), sugar  
**MANUFACTURING AND EXPIRATION DATE:** Refer to product packaging  
**RECOMMENDATION:** Use 2 - 3 cups per day. Do not use for children under 1 year old.  
**STORAGE:** Keep refrigerated at 4°C - 8°C.  
**USAGE:** Consume directly, use immediately after opening the cup.  
**NSX & HSD:** Xem trên bao bì sản phẩm.  
đơn 1 lít.  
NHỮNG DẤU BẢO QUẢN BAO QUẢN LỊCH 0 NHỮNG 49 - 8°C.  
NHỮNG CHỈ KHIẾN NHỮNG NHỮNG 2 - 3 HỘP MỖI NGÀY. KHÔNG SỬ DỤNG CHO TRẺ EM

**GHI CHÚ**

Màu vàng: Bề gần  
Màu hồng: Cắt đứt

////// tai dán

**Chữ ký khách hàng**

C : 100  
M : 0  
Y : 100  
K : 10

C : 100  
M : 27  
Y : 0  
K : 0

C : 100  
M : 100  
Y : 100  
K : 0

C : 0  
M : 0  
Y : 0  
K : 0

R X D xác nhận legal xác nhận  
 NV T xác nhận  
 22/03/24 Leo Thị Mai Loan Đặng Duy Minh step



ヨーグルト

SỮA CHUA KHÔNG BÉO ÍT ĐƯỜNG



Khoảng 10 TỶ lợi khuẩn LAC-Shield®

TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

THỰC PHẨM BỔ SUNG

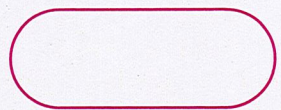
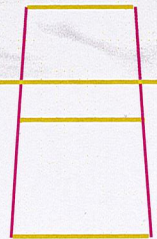
Chi 59,8 kcal Protein 4,2 g



SỮA CHUA KHÔNG BÉO



ÍT ĐƯỜNG





Report N°: 0000472147

Page N° 1/9

Ho Chi Minh City, Date: March 25, 2024  
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 25/03/2024

**ANALYSIS REPORT**  
**BÁO CÁO PHÂN TÍCH**

**JOB NO.: 2401A-3195**  
Đơn hàng: 2401A-3195

**CLIENT'S NAME** : MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY  
*Tên khách hàng* : CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

**CLIENT'S ADDRESS** : NAM PHO YEN INDUSTRIAL PARK, THUAN THANH WARD, PHO YEN CITY, THAI  
*Địa chỉ* : NGUYEN PROVINCE, VIETNAM  
KCN NAM PHỖ YÊN, PHƯỜNG THUẬN THÀNH, THÀNH PHỐ PHỖ YÊN, TỈNH THÁI  
NGUYÊN, VIỆT NAM

**SAMPLE INFORMATION:**  
**THÔNG TIN MẪU**

**Sampled/ Submitted by** : Client  
*Được lấy/ gửi bởi* : Khách hàng

**Client's reference** : Sữa chua không béo ít đường Morinaga  
*Chú thích của khách hàng*

The above information is submitted and identified by the client/applicant.  
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

**Sample description** : Food (approx. gr. wt. 1kg) in 10 full labeled plastic containers  
*Mô tả mẫu* : Thực phẩm (khoảng 1kg bao gồm bao bì) chứa trong 10 vật chứa bằng nhựa  
nhãn mác đầy đủ

**Sample ID** : 2401A-3195.007  
*Mã số mẫu*

**Date sample(s) received** : February 01, 2024  
*Ngày nhận mẫu* : 01/02/2024

**Testing period** : February 01, 2024 - February 15, 2024  
*Thời gian thử nghiệm* : 01/02/2024 - 15/02/2024

**Test(s) requested** : As applicant's requirement  
*Yêu cầu thử nghiệm* : Theo yêu cầu của khách hàng

**Test result(s)** : Please refer to the next page(s)  
*Kết quả kiểm nghiệm* : Vui lòng tham khảo trang sau

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,  
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)



VILAS 237

SGS

Report N°: 0000472147

Page N° 2/9

## TEST RESULT(S)

## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Listeria monocytogenes <i>Listeria monocytogenes</i>	ISO 11290-2:2017	<10	-	10	cfu/g	
2. Melamine <i>Melamine</i>	ISO 23970:2021	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	0.03	mg/kg	
3. Aflatoxin M1 <i>Aflatoxin M1</i>	LFOD-TST-SOP-8427	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	µg/kg	
4. Gentamicin (sum of gentamicin C1, gentamicin C1a, gentamicin C2 and gentamicin C2a) <i>Gentamicin (tổng của gentamicin C1, gentamicin C1a, gentamicin C2 và gentamicin C2a)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
5. Streptomycin (sum of dihydrostreptomycin and streptomycin) <i>Streptomycin (tổng của dihydrostreptomycin và streptomycin)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
6. Dihydrostreptomycin <i>Dihydrostreptomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
7. Streptomycin <i>Streptomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
8. Neomycin (sum of Neomycin B and Neomycin C) <i>Neomycin (tổng của Neomycin B và Neomycin C)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
9. Spectinomycin <i>Spectinomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
10. Doramectin <i>Doramectin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8042 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	2	5	µg/kg	
11. Eprinomectin (determined and expressed as Eprinomectin B1a) <i>Eprinomectin (được xác định và quy về Eprinomectin B1a)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8042 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	3	10	µg/kg	

## SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



VILAS 237



Report N°: 0000472147

Page N° 3/9

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
12. Febantel <i>Febantel</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
13. Imidocarb <i>Imidocarb</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
14. Ivermectin (22,23-dihydro-ivermectin B1a) <i>Ivermectin</i> (22,23-dihydro-ivermectin B1a)	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	2	5	µg/kg	
15. Fenbendazole (sum of fenbendazole, oxfendazole and oxfendazole sulfone, expressed as oxfendazole sulfone) <i>Fenbendazole (tổng của fenbendazole, oxfendazole and oxfendazole sulfone, quy về oxfendazole sulfone)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
16. Fenbendazole <i>Fenbendazole</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
17. Oxfendazole <i>Oxfendazole</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
18. Oxfendazole sulfone <i>Oxfendazole sulfone</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
19. Trichlorfon (Dipterex) <i>Trichlorfon (Dipterex)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
20. Sulfamethazine (Sulfadimidine) <i>Sulfamethazine (Sulfadimidine)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
21. Thiabendazole (sum of Thiabendazole and 5-hydroxy-Thiabendazole) <i>Thiabendazole (tổng của Thiabendazole và 5-hydroxy-Thiabendazole)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
22. Thiabendazole <i>Thiabendazole</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
23. Thiabendazole, 5-hydroxy- <i>Thiabendazole, 5-hydroxy-</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
24. Diminazene <i>Diminazene</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	

50/1  
 CI  
 GS  
 TRẮC  
 1/5

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000472147

Page N° 4/9

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
25. Isometamidium <i>Isometamidium</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
26. Lincomycin <i>Lincomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
27. Pirlimycin <i>Pirlimycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
28. Penicillin G (Benzylpenicillin/Procaine benzylpenicillin (expressed as Benzylpenicillin)) <i>Penicillin G (Benzylpenicillin/Procaine benzylpenicillin (quy về Benzylpenicillin))</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
29. Spiramycin <i>Spiramycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
30. Chlortetracycline (CTC) <i>Chlortetracycline (CTC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.5	1.5	µg/kg	
31. Oxytetracycline (OTC) <i>Oxytetracycline (OTC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
32. Tetracycline (TC) <i>Tetracycline (TC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
33. Clenbuterol <i>Clenbuterol</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8000 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.02	0.05	µg/kg	
34. Ceftiofur (sum of ceftiofur, desfuoylceftiofur and metabolites convertible to desfuoylceftiofur by dithioerythritol, expressed as ceftiofur) <i>Ceftiofur (tổng của ceftiofur, desfuoylceftiofur và bao gồm các chất chuyển hóa khác được chuyển về desfuoylceftiofur bằng dithioerythritol, được qui về ceftiofur)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8008 <sup>(1)</sup>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	6	20	µg/kg	
35. Antimony (Sb) <i>Antimon</i>	ISO 21424:2018 (IDF 243:2018)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	-	0.05	mg/kg	

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

LFOD-QAM-F-2010-1 - 08 Jun, 2022

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



VILAS 237



Report N°: 0000472147

Page N° 5/9

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
36. Arsenic (As) Asen	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/kg	
37. Mercury (Hg) Thủy ngân	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/kg	
38. Lead (Pb) Chì	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/kg	
39. Cadmium (Cd) Cadimi	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.005	mg/kg	
40. Pesticides by LC & GC-MS/MS <sup>(w)</sup> Thuốc bảo vệ thực vật bởi LC & GC-MS/MS	Refer to the note Tham khảo phần ghi chú	Not Detected Không phát hiện	-	-	mg/kg	

**Note/Ghi chú:**

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol ( $\Delta$ ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (\*).  
*Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác ( $\Delta$ ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (\*).*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (1) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (\*\*) after the analyte name.  
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (1) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (\*\*) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.  
*Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.*
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.  
*Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.*
- (w) Values below or equal to limit of detection, unless listed above. The test items are listed in the annex enclosed.  
*(w) Nếu không được liệt kê bên trên thì những chất được kiểm nghiệm nhỏ hơn hoặc bằng giới hạn phát hiện. Các chỉ tiêu thử nghiệm được liệt kê trong phụ lục kèm theo.*
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.  
*LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.*
- LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,  
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

\_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

\_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

Analysis method/ Phương pháp phân tích:

- EN 15662:2018, mod. (Cyhexatin and azocyclostin (sum, expressed as cyhexatin), Febutatin oxide)
- LFOD-TST-SOP-8425 (2,4-D (sum), Aminopyralid)
- EURL-SRM ver. 2, 2009 (Dithiocarbamate)
- J. AOAC Int 100 (2017) 631-639 (Glufosinate)
- QuPPE-PO Method (EURL-SRM ver. 11.1, 2021) (Ethephon, Chlormequat (sum), Diquat, Paraquat, Glufosinate-ammonium (sum))
- EN 15662:2018 (Others)

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Handwritten vertical text on the right margin: 15/5/2022



Report N°: 0000472147

Page N° 7/9

PESTICIDES LIST ANNEX/ PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:

Unit/ Đơn vị: mg/kg

No	Name	CAS No.	LOD	LOQ	No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
1	2,4-D (sum of 2,4-D, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-D) <sup>(*)</sup>	94-75-7	0.003	0.01	2	3-(Methylphosphinico)propionic acid (MPP) <sup>(*)</sup>	15090-23-0	0.003	0.01
3	3-Hydroxycarbofuran <sup>(*)</sup>	16655-82-6	0.0003	0.001	4	Abamectin B1a (sum of Avermectin B1a and 8,9-Z-Abamectin B1a expressed as Abamectin B1a)	65195-55-3	0.001	0.002
5	Acephate	30560-19-1	0.003	0.01	6	Aldicarb	116-06-3	0.003	0.01
7	Aldoarb (sum of aldicarb and its sulfoxide, sulfone expressed as aldicarb) <sup>(*)</sup>	116-06-3	_(a)	_(a)	8	Aldicarb sulfone	1646-88-4	0.003	0.01
9	Aldoarb sulfoxide <sup>(*)</sup>	1646-87-3	0.003	0.01	10	Aldrin <sup>(*)</sup>	309-00-2	0.001	0.003
11	Aldrin and Dieldrin (sum, expressed as dieldrin)	309-00-2	_(a)	_(a)	12	Aminopyralid <sup>(*)</sup>	150114-71-9	0.003	0.01
13	Amitraz <sup>(*)</sup>	33089-61-1	0.003	0.01	14	Amitraz (sum of amitraz and N-(2,4-xylyl)-N'-methyl-formamidine (BTS 27271), expressed as amitraz) <sup>(*)</sup>	33089-61-1	_(a)	_(a)
15	Amitraz Metabolite A (BTS 27919)	60397-77-5	0.003	0.01	16	Amitraz Metabolite B (BTS 27271)	33089-74-6	0.003	0.01
17	Bentazone	25057-89-0	0.003	0.01	18	Bifenazate (sum of bifenazate and bifenazate-diazene, expressed as bifenazate)	149877-41-8	0.003	0.01
19	Bifenthrin (sum of isomers)	82657-04-3	0.003	0.01	20	Bifentanol (sum of isomers)	55179-31-2	0.003	0.01
21	Carbaryl	63-25-2	0.003	0.01	22	Carbendazim and benomyl (sum, expressed as carbendazim)	10605-21-7	0.003	0.01
23	Carbendazim, benomyl and thiofanate-methyl (sum, expressed as carbendazim)	10605-21-7	_(a)	_(a)	24	Carbofuran <sup>(*)</sup>	1563-66-2	0.0003	0.001
25	Carbofuran (sum of carbofuran (including any carbofuran generated from carbosulfan, benfuracarb or furathlocarb) and 3-OH carbofuran expressed as carbofuran)	1563-66-2	_(a)	_(a)	26	Carbosulfan <sup>(*)</sup>	55285-14-8	0.01	0.03
27	Chlordane (sum of cis-, trans-chlordane, and oxychlordane) <sup>(*)</sup>	5103-71-9 & 5103-74-2	_(a)	_(a)	28	Chlordane, cis- <sup>(*)</sup>	5103-71-9	0.0003	0.001
29	Chlordane, trans- <sup>(*)</sup>	5103-74-2	0.0003	0.001	30	Chlormequat (Sum of Chlormequat and its salts, expressed as Chlormequat-Chloride) <sup>(*)</sup>	7003-89-6	0.003	0.01
31	Chlorpropham <sup>(*)</sup>	101-21-3	0.0001	0.0003	32	Chlorpyrifos (-ethyl)	2921-88-2	0.003	0.01
33	Chlorpyrifos-methyl	5598-13-0	0.003	0.01	34	Clethodim	99129-21-2	0.003	0.01
35	Clethodim (sum of Sethoxydim and Clethodim including degradation products (Clethodim sulfone and Clethodim sulfoxide) calculated as Sethoxydim)	74051-80-2	_(a)	_(a)	36	Clethodim Sulfone	111031-17-5	0.003	0.01
37	Clethodim Sulfoxide	111031-14-2	0.003	0.01	38	Clofentezine	74115-24-5	0.003	0.01
39	Cyfluthrin (sum of isomers)	68359-37-5	0.003	0.01	40	Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (sum)	91465-08-6 & 78703-62-3	0.003	0.01
41	Cyhexatin and azocyclotin (sum, expressed as cyhexatin) <sup>(*)</sup>	13121-70-5	0.01	0.03	42	Cypermethrin (sum of isomers)	52315-07-8	0.003	0.01
43	Cyprodinil <sup>(*)</sup>	121552-61-2	0.0001	0.0003	44	Cyromazine	66215-27-8	0.003	0.01
45	DDE-p,p'-	72-55-9	0.003	0.01	46	DDT (sum of p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE and p,p'-TDE (DDD) expressed as DDT)	50-29-3, 788-02-6, 72-55-9 & 72-54-8	_(a)	_(a)
47	DDT-o,p'-	789-02-6	0.003	0.01	48	DDT-p,p'-	50-29-3	0.003	0.01
49	Deltamethrin (sum of isomers)	52918-83-5	0.003	0.01	50	Demeton-S <sup>(*)</sup>	128-75-0	0.01	0.03
51	Demeton-S-methyl sulfone	17040-19-6	0.003	0.01	52	Demeton-S-methyl sulfoxide (Oxydemeton-methyl)	301-12-2	0.003	0.01
53	Diazinon	333-41-5	0.003	0.01	54	Dichlorvos	62-73-7	0.003	0.01
55	Dicofol (-o,p')	10606-46-9	0.003	0.01	56	Dicofol (-p,p') <sup>(*)</sup>	115-32-2	0.003	0.01
57	Dicofol (sum of o,p'- and p,p'-dicofol) <sup>(*)</sup>	115-32-2 & 10606-46-9	_(a)	_(a)	58	Dieldrin <sup>(*)</sup>	60-57-1	0.001	0.003
59	Difenoconazole <sup>(*)</sup>	119446-68-3	0.001	0.003	60	Diffubenzuron	35367-38-5	0.003	0.01
61	Dimethenamid (sum, including Dimethenamid-P 163515-14-8)	87674-68-8	0.003	0.01	62	Dimethipin <sup>(*)</sup>	55290-64-7	0.003	0.01
63	Dimethoate	60-51-5	0.003	0.01	64	Dimethomorph (sum of isomers)	110488-70-5	0.003	0.01

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



VILAS 237



Report N°: 0000472147

Page N° 8/9

## PESTICIDES LIST ANNEX/ PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:

Unit/ Đơn vị: mg/kg

No	Name	CAS No.	LOD	LOQ	No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
65	Diphenylamine <sup>(*)</sup>	122-39-4	0.0001	0.0003	66	Diquat <sup>(*)</sup>	2764-72-9	0.001	0.003
67	Disulfoton	298-04-4	0.003	0.01	68	Disulfoton (sum of disulfoton, demeton-S and their sulphoxides and sulphones, expressed as disulfoton) <sup>(*)</sup>	298-04-4	_(a)	_(a)
69	Disulfoton Sulfone	2497-06-5	0.003	0.01	70	Disulfoton Sulfoxide	2497-07-5	0.003	0.01
71	Dithiocarbamates (expressed as CS <sub>2</sub> , including zineb, maneb, mancozeb, metiram, propineb, thiram, ziram, ferbam, nabam, dimethyl dithiocarbamate, amobam and other compounds releasing to CS <sub>2</sub> )	75-15-0	0.003	0.01	72	Endosulfan (sum of endosulfan I, endosulfan II and endosulfan sulfate expressed as endosulfan)	115-29-7	_(a)	_(a)
73	Endosulfan I	959-98-8	0.003	0.01	74	Endosulfan II	33213-65-9	0.003	0.01
75	Endosulfan sulfate	1031-07-8	0.003	0.01	76	Ethephon <sup>(*)</sup>	16672-87-0	0.003	0.01
77	Ethoprophos	13194-48-4	0.003	0.01	78	Famoxadone	131807-57-3	0.003	0.01
79	Fenamiphos <sup>(*)</sup>	22224-92-6	0.0003	0.001	80	Fenamiphos (sum of fenamiphos and its sulfoxide and sulfone expressed as fenamiphos)	22224-92-6	_(a)	_(a)
81	Fenamiphos sulfone <sup>(*)</sup>	31972-44-8	0.0003	0.001	82	Fenamiphos sulfoxide <sup>(*)</sup>	31972-43-7	0.0003	0.001
83	Fenbuconazole	114369-43-6	0.003	0.01	84	Fenbutatin oxide <sup>(*)</sup>	13356-06-6	0.01	0.03
85	Fenhexamid	126833-17-8	0.003	0.01	86	Fenpropathrin	39515-41-8	0.003	0.01
87	Fenpropimorph (sum of isomers)	87564-91-4	0.003	0.01	88	Fenpyroximate <sup>(*)</sup>	134098-61-6	0.001	0.003
89	Fenvalerate (any ratio of constituent isomers (RR, SS, RS & SR) including esfenvalerate)	51930-58-1 & 86230-04-4	0.003	0.01	90	Fipronil <sup>(*)</sup>	120066-37-3	0.0003	0.001
91	Fipronil (sum of fipronil and sulfone metabolite expressed as fipronil)	120068-37-3	_(a)	_(a)	92	Fipronil Sulfone <sup>(*)</sup>	120068-36-2	0.0003	0.001
93	Fludioxonil	131341-86-1	0.003	0.01	94	Flumethrin <sup>(*)</sup>	69770-45-2	0.01	0.03
95	Flusilazole	85509-19-9	0.003	0.01	96	Flutolanil	66332-96-5	0.003	0.01
97	Glufosinate <sup>(*)</sup>	51276-47-2/ 77182-82-2	0.003	0.01	98	Glufosinate-ammonium (sum of glufosinate, its isomers, its salts, MPP and NAG, expressed as glufosinate equivalents) <sup>(*)</sup>	51276-47-2/ 77182-82-2	_(a)	_(a)
99	Glufosinate-N-acetyl (NAG) <sup>(*)</sup>	73634-73-8	0.003	0.01	100	HCH (EHC)-gamma (Lindane)	58-89-9	0.003	0.01
101	Heptachlor <sup>(*)</sup>	76-44-8	0.0003	0.001	102	Heptachlor (sum of heptachlor and heptachlor epoxide expressed as heptachlor)	76-44-8	_(a)	_(a)
103	Heptachlor endo-epoxide (isomer A) <sup>(*)</sup>	28044-83-9	0.0003	0.001	104	Heptachlor exo-epoxide (isomer B) <sup>(*)</sup>	1024-57-3	0.0003	0.001
105	Imidacloprid	138261-41-3	0.003	0.01	106	Indoxacarb (sum of indoxacarb and its R enantiomer)	144171-61-9	0.003	0.01
107	Kresoxim-methyl	143390-89-0	0.003	0.01	108	Methamidophos	10265-92-6	0.003	0.01
109	Methidathion <sup>(*)</sup>	950-37-8	0.0003	0.001	110	Methomyl	16752-77-5	0.003	0.01
111	Methomyl and Thiodicarb (sum, expressed as methomyl)	16752-77-5	_(a)	_(a)	112	Methoprene	40596-69-8	0.003	0.01
113	Methoxyfenozide	161050-58-4	0.003	0.01	114	Myclobutanil (sum of constituent isomers)	88671-89-0	0.003	0.01
115	Novaluron	116714-46-6	0.003	0.01	116	Oxamyl	23135-22-0	0.003	0.01
117	Oxamyl (sum of oxamyl and oxamyl-oxime, expressed as oxamyl)	23135-22-0	_(a)	_(a)	118	Oxamyl-oxime	30558-43-1	0.003	0.01
119	Oxydemeton-methyl (sum of oxydemeton-methyl and demeton-S-methyl sulfone expressed as oxydemeton-methyl)	301-12-2	_(a)	_(a)	120	Paraquat <sup>(*)</sup>	4685-14-7	0.001	0.003
121	Penconazole (sum of constituent isomers)	68246-88-6	0.003	0.01	122	Permethrin (sum of cis- and trans- isomers)	52645-53-1	0.003	0.01
123	Phorate	298-02-2	0.003	0.01	124	Phorate (sum of phorate, its oxygen analogue, and their sulfoxides and sulfones, expressed as phorate)	298-02-2	_(a)	_(a)
125	Phorate sulfone	2588-04-7	0.003	0.01	126	Phorate sulfoxide	2588-03-6	0.003	0.01
127	Phorate-oxon	2600-69-3	0.003	0.01	128	Phorate-oxon-sulfone	2588-06-9	0.003	0.01
129	Phorate-oxon-sulfoxide	2588-05-8	0.003	0.01	130	Piperonyl butoxide	51-03-6	0.003	0.01
131	Pirimicarb	23103-98-2	0.003	0.01	132	Pirimiphos-methyl	29232-93-7	0.003	0.01

## SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,  
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

LFOD-QAM-F-2010-1 - 08 Jun, 2022

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000472147

Page N° 9/9

PESTICIDES LIST ANNEX/ PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:

Unit/ Đơn vị: mg/kg

No	Name	CAS No.	LOD	LOQ	No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
133	Prochloraz	67747-09-5	0.003	0.01	134	Prochloraz (sum of prochloraz and 2,4,6-trichlorophenol expressed as prochloraz)	67747-09-5	_(a)	_(a)
135	Profenofos	41198-08-7	0.003	0.01	136	Propamocarb (Sum of propamocarb and its salts, expressed as propamocarb)	24579-73-5	0.003	0.01
137	Propargite	2312-35-8	0.003	0.01	138	Propiconazole (sum of isomers)	60207-90-1	0.003	0.01
139	Pyraclostrobin	175013-19-0	0.003	0.01	140	Pyrimethanil	53112-28-0	0.003	0.01
141	Quinoxifen	124495-18-7	0.003	0.01	142	Spinosad (sum of spinosyn A + D)	168316-95-8	_(a)	_(a)
143	Spinosyn A	131929-60-7	0.003	0.01	144	Spinosyn D	131929-63-0	0.003	0.01
145	TDE (DDD), p,p'-	72-54-8	0.003	0.01	146	Tebuconazole	107534-96-3	0.003	0.01
147	Tebuconazole	112410-23-8	0.003	0.01	148	Terbufos	13071-79-9	0.003	0.01
149	Terbufos (sum of terbufos, its oxygen analogue and their sulfoxides and sulfones, expressed as terbufos)	13071-79-9	_(a)	_(a)	150	Terbufos-oxon	56070-14-5	0.003	0.01
151	Terbufos-oxon-sulfone	56070-15-6	0.003	0.01	152	Terbufos-oxon-sulfoxide	56165-57-2	0.003	0.01
153	Terbufos-sulfone	56070-16-7	0.003	0.01	154	Terbufos-sulfoxide	10548-10-4	0.003	0.01
155	Thiacloprid	111988-49-9	0.003	0.01	156	Thiodicarb	59669-26-0	0.003	0.01
157	Thiophanate-methyl	23564-05-8	0.003	0.01	158	Triadimefon	43121-43-3	0.003	0.01
159	Triadimenol (any ratio of constituent isomers)	55219-65-3	0.003	0.01	160	Trichlorophenol, 2,4,6-	88-06-02	0.01	0.03
161	Trifloxystrobin	141517-21-7	0.003	0.01	162	Vinclozolin	50471-44-8	0.003	0.01

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

\*\*\* END OF THE REPORT \*\*\*

Signed for and on behalf of  
SGS Vietnam LTD  
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam  
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự  
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Số: **175** /CV-MNFV

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 11 năm 2024

V/v điều chỉnh cách ghi thành phần, sửa đổi nhãn  
sản phẩm sau công bố.

**Kính gửi: Sở Y tế Thái Nguyên**

Trước hết, Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Sở. Sự hỗ trợ kịp thời của Quý Sở đã góp phần vào việc sản xuất thành công những sản phẩm của chúng tôi trong thời gian qua.

Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam đã thực hiện TỰ công bố các sản phẩm tại Sở Y tế Thái Nguyên, cụ thể như sau:

Tên sản phẩm	Số Tự công bố	Ngày công bố
<b>SỮA CHUA KHÔNG BÉO ÍT ĐƯỜNG MORINAGA</b>	08/MORINAGA/2024	25/03/2024
<b>SỮA CHUA KHÔNG BÉO ÍT ĐƯỜNG NHA ĐAM MORINAGA</b>	09/MORINAGA/2024	25/03/2024

Căn cứ Khoản 4, Điều 5 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018, Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam xin thông báo về việc thay đổi thông tin sau công bố như sau:

- Theo “Thông báo thay đổi tên chi của vi khuẩn axit lactic đối với Sản phẩm postbiotics của Morinaga”, Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam tiến hành cập nhật tên mới cho vi khuẩn *Lactobacillus paracasei* thuộc Mục 2, Phần II trong Bản tự công bố và trong nhãn sản phẩm. Tên gọi *Lacticaseibacillus paracasei* là cách gọi khác của *Lactobacillus paracasei*.

- Bổ sung nhãn sửa đổi.

Nội dung thay đổi cụ thể:

Thông tin trên bản Tự công bố	Nội dung hiện tại	Nội dung sau điều chỉnh
II. Thông tin về sản phẩm 2. Thành phần	<i>Lactobacillus paracasei</i>	<i>Lacticaseibacillus paracasei</i>
III. Mẫu nhãn sản phẩm		Nhãn sửa đổi cập nhật: - Cách gọi tên của vi sinh vật. - Các chỉ tiêu dinh dưỡng mới theo Thông tư số 29/2023/TT-BYT - Mã số mã vạch





FOR BETTER WELLNESS

**Morinaga Nutritional Foods Vietnam**

Các nội dung trong Bản tự công bố sản phẩm, bao gồm: Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo không thay đổi so với Bản tự công bố sản phẩm đã nộp.

Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam cam kết bảo đảm chất lượng các sản phẩm trên như đã công bố.

Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam xin chân thành cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu HC

**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA  
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
KOHARA SHUNSUKE**





**MORINAGA MILK INDUSTRY CO., LTD.**

5-2, HigashiShimbashi 1-Chome, Minato-ku, Tokyo 105-7122, NHẬT BẢN

Mail: interntl@morinagamilk.co.jp

Ngày 03/10/2024

Kính gửi Quý khách hàng,

**Thông báo thay đổi tên chi của vi khuẩn axit lactic đối với  
Sản phẩm postbiotics của Morinaga**

Chúng tôi xin thông báo với bạn rằng chúng tôi sẽ thay đổi nhãn mác của sản phẩm dạng bột postbiotics "LAC-Shield" như sau.

Chúng tôi rất mong bạn tiếp tục ủng hộ sản phẩm của công ty chúng tôi.

**1. Tên sản phẩm**

LAC-Shield

**2. Nhà máy sản xuất**

Morinaga Hokuriku Milk Industry Co., Ltd., Nhà máy Fukui

**3. Thay đổi**

Các thay đổi như sau.

Thay đổi\_1: Đổi tên chi cho "LAC-Shield"

**Danh sách các thay đổi cho từng sản phẩm**

	Thay đổi_1
<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Thay đổi tên chi</b>
LAC-Shield	○

**4. Ngày dự kiến thay đổi**

Từ tháng 11/2023 khi sản xuất sản phẩm

**5. Các lưu ý đặc biệt khác**

Việc phân loại vi khuẩn axit lactic đã thay đổi vào năm 2020 như sau.

(Chi cũ) Lactobacillus paracasei

(Chi mới) Lacticaseibacillus paracasei

Thay đổi này chỉ dành cho nhãn mác và không ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu hoặc sản phẩm.



Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Trân trọng,

(đã ký)

Nobuhisa Oe

Trưởng phòng Kinh doanh Probiotic

Bộ phận kinh doanh BtoB quốc tế

Khối quốc tế

PI  
G C  
YẾ  
ĐA

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng **Anh sang tiếng Việt**.

Người dịch

**Đặng Thị Hiền Mai**

**LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

Hôm nay, ngày 21 tháng 10 năm 2024 (Ngày hai mốt, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư) Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Trần Thị Huyền* Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

**CHỨNG NHẬN**

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng **Anh sang tiếng Việt** .
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 02 (hai) bản chính, mỗi bản gồm 03 tờ 03 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 24066, Quyển số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



*Trần Thị Huyền*



# MORINAGA MILK INDUSTRY CO., LTD.

5-2, HigashiShimbashi 1-Chome, Minato-ku, Tokyo 105-7122, JAPAN

Mail : [internl@morinagamilk.co.jp](mailto:internl@morinagamilk.co.jp)

October 3, 2024

Dear Customers,

## **Notification of Genus name of lactic acid bacteria change for Morinaga's postbiotics product**

We would like to inform you that we will be changing the labels of our postbiotics powdered product "LAC-Shield" as follows.

We look forward to your continued support of our company product.

### **1. Product Name**

LAC-Shield

### **2. Manufacturing Plant**

Morinaga Hokuriku Milk Industry Co., Ltd. Fukui Plant

### **3. Changes**

The changes are as follows.

Change\_1: Change of genus name for "LAC-Shield"

#### **List of changes for each product**

	Change_1
Product name	Change of genus name
LAC-Shield	○

### **4. Scheduled date of change**

From November 2023 manufacturing of each product

### **5. Other Special Notes**

The classification of lactic acid bacteria changed in 2020 as follows.

(Old Genus) Lactobacillus paracasei

(New Genus) Lacticaseibacillus paracasei

This change is only for label and does not affect the quality of raw materials or products.

If you have any questions, please feel free to contact us.

Yours faithfully,

Nobuhisa Oe

Section Manager, Probiotic Business Section

International BtoB Business Department



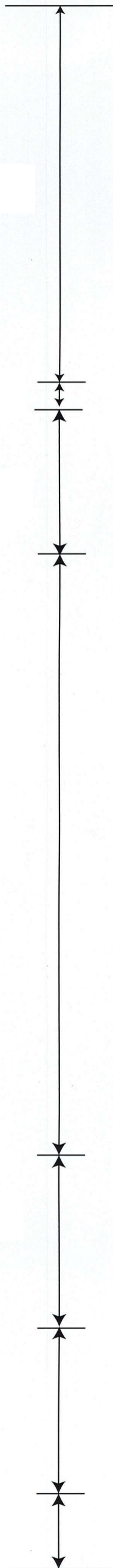
# MORINAGA MILK INDUSTRY CO., LTD.

5-2, HigashiShimbashi 1-Chome, Minato-ku, Tokyo 105-7122, JAPAN

Mail : [internl@morinagamilk.co.jp](mailto:internl@morinagamilk.co.jp)

International Division





**400 g (4 hộp x 100 g)**  
KHỐI LƯỢNG TÍNH (NET WEIGHT):

**GIÚP TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH**  
CHỨA KHOẢNG 10 TỶ LỢI KHUẨN LAC-SHIELD®

**GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG 100 g**

Năng lượng/Energy	55,0 kcal
Chất đạm/Protein	4,2 g
Carbohydrat/Carbohydrate	9,2 g
Đường tổng số/Total sugars	8,2 g
Chất xơ hòa tan/Soluble fiber	0,7 g
Canxi/Calcium	137,0 mg
Natri/Sodium	40,0 mg

**GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG 100 g**

Năng lượng/Energy: 55,0 kcal  
 Chất đạm/Protein: 4,2 g  
 Carbohydrat/Carbohydrate: 9,2 g  
 Đường tổng số/Total sugars: 8,2 g  
 Chất xơ hòa tan/Soluble fiber: 0,7 g  
 Canxi/Calcium: 137,0 mg  
 Natri/Sodium: 40,0 mg

**THÀNH PHẦN:** Sữa (94,3%), nước, bột sữa, bột whey, đường kính (4,0%), LAC-Shield® là nhãn hiệu của Morinaga Milk Industry), Lactobacillus bulgaricus, paracasei MCC1849 (LAC-Shield®), men Streptococcus thermophilus và probiotin (202), chất tạo ngọt tổng hợp (955), heat-killed Lactococcus lactis (202), chất tạo ngọt tổng hợp (955), heat-killed Lactococcus lactis (471), chất xơ hòa tan (inulin), gelatin thực phẩm, chất ổn định (1422, 471), chất bảo quản (202).

**INGREDIENTS:** Milk (94.3%) (water, milk powder, whey powder), sugar (4.0%), soluble fiber (inulin), food-grade gelatin, stabilizers (1422, 471), Lactobacillus bulgaricus, paracasei MCC1849 (LAC-Shield®), Streptococcus thermophilus and probiotics (202), artificial sweetener (955), heat-killed Lactococcus lactis (202), heat-killed Lactococcus lactis (471).

**MANUFACTURING AND EXPIRATION DATE:** Refer to product packaging.

**RECOMMENDATION:** Use 2 - 3 cups per day. Do not use for children under 1 year old.

**STORAGE:** Keep refrigerated at 4°C - 8°C.

**USAGE:** Consume directly, use immediately after opening the cup.

**MSX VÀ HSD:** Xem trên bao bì sản phẩm.

**HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:** Bảo quản trong tủ lạnh ở nhiệt độ 4°C - 8°C. Không sử dụng NHỮNG CHẤU KHUYẾN NGHỊ: Hạn dùng 2 - 3 hộp mỗi ngày. Không sử dụng HƯƠNG DẪN SỮA ĐUNG: Ấn trực tiếp, sử dụng ngay sau khi mở hộp.

**SỮA CHUA KHÔNG BÉO**  
ÍT ĐƯỜNG

Chất béo

**THƯƠNG HIỆU NHẬT BẢN TỪ 1911**

Yーグールト

**SỮA CHUA KHÔNG BÉO**  
ÍT ĐƯỜNG

Chất béo

**LAC-SHIELD POSTBIOTICS** Khoảng 10 TỶ lợi khuẩn LAC-Shield® TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

THỰC PHẨM BỔ SUNG

Chỉ 55,0 kcal | Protein 4,2 g\*

**SỮA CHUA KHÔNG BÉO**  
ÍT ĐƯỜNG

Chất béo

**M.S.D.N: 4600285900 - C.T.C.P**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA**  
**NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**  
TP. PHỐ YÊN - T. THÁI NGUYÊN

Khuôn bế

Ngày làm File	Đơn hàng	Tên sản phẩm	Kích thước sản phẩm	Số màu In	Gia công	Khách hàng chú ý	Đơn vị thực hiện	Xác nhận của Khách hàng
		Vỏ Morinaga ít đường		01 pha 04 - CMYK		Khách hàng chú ý kiểm tra lại thông tin kích thước sản phẩm, Nội dung Bao bì hộp, Nhân mác trước khi xác nhận. Thiết kế in Tuấn Bảng sẽ không có trách nhiệm khi khách hàng ký duyệt sản phẩm.	 BAO BI TUẤN BẢNG	1.11.2024 Ngã Đặng Quỳnh Như

Rx xác nhận  
 Cho  
 5/11/24.

1.11.2024.  
 H.T. Linh  
 O.A xác nhận  
 N.T. Xuyet

Thực phẩm bổ sung/Supplemented Food

### Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g

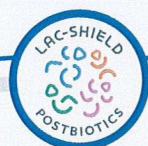
Nutritional information per 100 g

Năng lượng/ Energy	55,0	kcal
Chất đạm/ Protein	4,2	g
Carbohydrat / Carbohydrate	9,2	g
Đường tổng số/ Total sugars	8,2	g
Chất xơ hoà tan/ Soluble fiber	0,7	g
Calci/ Calcium	137,0	mg
Natri/ Sodium	40,0	mg

**THÀNH PHẦN:** Sữa (94,3%) (nước, bột sữa, bột whey), đường kính (4,0%), chất xơ hoà tan (inulin), gelatin thực phẩm, chất ổn định (1422, 471), chất bảo quản (202), chất tạo ngọt tổng hợp (955), heat-killed *Lactocaseibacillus paracasei* MCC1849 (**LAC-Shield**®), men *Streptococcus thermophilus* và *Lactobacillus bulgaricus*.

(**LAC-Shield**® là nhãn hiệu của Morinaga Milk Industry.)

Sản phẩm có chứa sữa.



#### Lợi khuẩn LAC-Shield® tăng cường miễn dịch.

Được tập đoàn Morinaga Milk Industry tiên phong nghiên cứu và chọn lọc từ hàng nghìn chủng vi khuẩn Acid Lactic. Sau khi được hấp thu, LAC-Shield® sẽ tác động đến các tế bào miễn dịch trong ruột non và hệ thống miễn dịch toàn cơ thể thông qua hệ miễn dịch đường ruột. Nhờ đó giúp cải thiện khả năng miễn dịch.

**CHỨA KHOẢNG 10 TỶ LỢI KHUẨN LAC-Shield®  
GIÚP TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH**

**KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT):  
400 g (4 hộp x 100 g)**



**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:** Ăn trực tiếp, sử dụng ngay sau khi mở hộp.

**HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:** Bảo quản lạnh ở nhiệt độ 4°C - 8°C.

**NHU CẦU KHUYẾN NGHỊ:** Nên dùng 2 - 3 hộp mỗi ngày. Không sử dụng cho trẻ em dưới 1 tuổi.

**NSX VÀ HSD:** Xem trên bao bì sản phẩm.

**USAGE:** Consume directly, use immediately after opening the cup.

**STORAGE:** Keep refrigerated at 4°C - 8°C.

**RECOMMENDATION:** Use 2 - 3 cups per day. Do not use for children under 1 year old.

**MANUFACTURING AND EXPIRATION DATE:** Refer to product packaging.

**INGREDIENTS:** Milk (94.3%) (water, milk powder, whey powder), sugar (4.0%), soluble fiber (inulin), food-grade gelatin, stabilizers (1422, 471), preservative (202), artificial sweetener (955), heat-killed *Lactocaseibacillus paracasei* MCC1849 (**LAC-Shield**®), *Streptococcus thermophilus* and *Lactobacillus bulgaricus* cultures.

(**LAC-Shield**® is a trademark of Morinaga Milk Industry.)

The product contains milk.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**

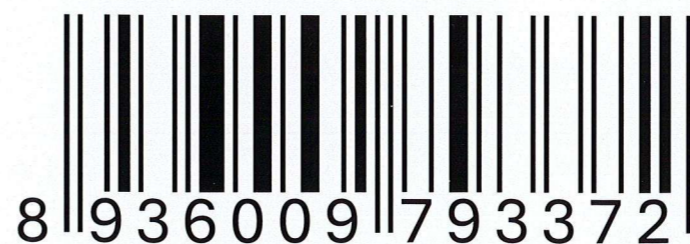
**Công ty thuộc tập đoàn Morinaga Milk Industry Group**

**Địa chỉ:** Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**Website:** www.morinaga-nf.com.vn

**Hotline:** 1800-888-602

**SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM**



(\***Giá trị dinh dưỡng  
trong mỗi hộp 100 g**)



1.11.2024  
1.11.2024  
Ngày  
Đang  
Nguyễn Đình  
M.T.Li.Ng

Rất xac thực  
5/10/24